

Số: 14 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 9 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT (online)  
LẤY Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ MÔN HỌC (HỌC PHẦN)  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Kính gửi: Lãnh đạo Trường**

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-QLCL, ngày 05/9/2023 của phòng Quản lý chất lượng về việc Khảo sát lấy ý kiến sinh viên về sự hài lòng đối với các môn học (học phần), năm học 2022 - 2023 đã được duyệt;

Phòng QLCL báo cáo kết quả khảo sát như sau:

**1. Mục đích**

- Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên (SV), hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học về các môn học. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong công tác dạy và học.
- Có số liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đáng giá ngoài.
- Cải tiến chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

**2. Yêu cầu**

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp.
- SV hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát do cơ sở giáo dục thiết kế.
- Thông tin phản hồi thu được từ SV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

**3. Thời gian thực hiện**

Từ ngày 11 – 15 / 9 / 2023.

**4. Đối tượng, phạm vi thực hiện**

- SV các lớp đại học hệ chính quy các ngành đào tạo của các Khoa trong Trường.
- SV các khóa 2019 – 2022; Mỗi em SV tự chọn 1 môn học để đánh giá, góp ý.

**5. Nội dung khảo sát:**

- Bộ câu hỏi khảo sát được sử dụng gồm có 15 câu để SV đánh giá sự hài lòng về môn học (học phần) với 3 nội dung chính là: **1-Thông tin về học phần; 2-Tổ chức thực hiện giảng dạy học phần; 3-Cảm nhận về học phần.**
- Sự hài lòng của SV về môn học thể hiện ở 5 mức độ theo thang đo Likert: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**
- SV có thể nhận xét, góp ý, đề xuất thêm nội dung vào mục **Ý kiến khác.**

## 6. Phương pháp thực hiện

- Sử dụng Google forms và gửi link khảo sát tới các lớp thông qua sự phối hợp với các Khoa, Cố vấn học tập và lớp Trưởng các lớp.
- Xử lý dữ liệu, số liệu kết quả khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2019.
- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm hài lòng trung bình (TB) của từng câu hỏi.

## 7. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát lấy ý kiến được 2145 lượt SV đại học hệ chính quy của 129 lớp, 494 môn học (học phần) thuộc các ngành đào tạo của 8 Khoa trong Trường, cụ thể gồm:

STT	Khoa	Số SV đã khảo sát	Tỷ lệ (%)	Số lớp đã khảo sát	Số môn học (HP) đã khảo sát
1.	Y Dược	569	26.5	22	99
2.	Nông Lâm nghiệp	114	5.3	14	48
3.	Kinh tế	417	19.4	27	101
4.	Sư phạm	318	14.8	20	67
5.	Lý luận Chính trị	35	1.6	6	25
6.	Ngoại ngữ	378	17.6	11	44
7.	Chăn nuôi Thú y	174	8.2	10	42
8.	Khoa học TN-CN	140	6.6	19	68
<b>TỔNG</b>	<b>8</b>	<b>2145</b>	<b>100.0</b>	<b>129</b>	<b>494</b>

Kết quả SV đánh giá sự hài lòng về các môn học (học phần) của các Khoa trong Trường như sau:

### 7.1. Khoa Y Dược

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Sinh viên (SV) được giảng viên (GV) giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần.	6.7	4.0	13.5	39.0	36.7	4.0
2.	Tài liệu phục vụ học tập: Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo,... liên quan đến học phần được giới thiệu đầy đủ.	6.7	4.2	16.9	35.5	36.7	3.9
3.	SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về cách thức đánh giá: Kiểm tra, thi,... của học phần.	6.7	3.0	14.1	37.8	38.5	4.0
4.	Trang thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu học tập cho học phần.	7.4	4.4	18.8	37.1	32.3	3.8
5.	Thời lượng, số tiết dành cho học phần là phù hợp. Thời lượng giữa lý thuyết, bài tập và thực hành là hợp lí.	6.9	2.6	17.8	39.4	33.4	3.9
6.	GV giảng dạy theo đúng nội dung trong đề cương học phần đã công bố.	6.3	2.8	15.1	39.2	36.6	4.0
7.	GV có phương pháp giảng dạy giúp SV học tập tích cực.	7.0	6.3	13.4	36.2	37.1	3.9

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
8.	Nguồn tài liệu mà GV cung cấp giúp làm rõ nội dung học phần và đáp ứng được nhu cầu học tập của SV.	6.0	3.3	18.5	36.9	35.3	3.9
9.	GV luôn vui vẻ giải đáp những thắc mắc của SV trong và sau giờ học.	7.0	3.2	14.6	36.9	38.3	4.0
10.	GV có hướng dẫn và thực hiện kiểm tra giờ tự học của SV theo quy định.	6.3	2.8	16.9	38.7	35.3	3.9
11.	GV hoàn thành số tiết đúng theo thời khóa biểu đã công bố.	5.8	1.4	14.8	40.1	38.0	4.0
12.	SV được GV thông tin phản hồi, giải thích rõ ràng nội dung và kết quả đánh giá (điểm kiểm tra, điểm thực hành, điểm thi cuối kỳ) của học phần.	7.0	2.5	16.2	37.3	37.1	3.9
13.	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về cơ sở, chuyên ngành,... cần thiết.	5.8	2.3	16.0	38.5	37.4	4.0
14.	Học phần giúp bạn phát triển kỹ năng mềm như: Làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề, tự nghiên cứu,...	5.8	3.0	18.1	39.4	33.7	3.9
15.	Học phần giúp SV cảm thấy thích khi lựa chọn ngành học.	6.9	3.7	17.0	38.0	34.4	3.9
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>6.5</b>	<b>3.3</b>	<b>16.1</b>	<b>38.0</b>	<b>36.1</b>	<b>3.9</b>

\* **Ý kiến khác:** Có 16.5% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV khá hài lòng với việc học các môn học của ngành.
  - GV giảng dạy nhiệt tình, dễ hiểu và nói chuyện thân thiện với SV (Bộ môn Dược lý).
  - Một số môn học khó, GV cần giảng kỹ hơn cho SV hiểu được nội dung chính. GV cần cung cấp tài liệu chính, tài liệu tham khảo cho SV học tập.
  - Tạo điều kiện cho SV ngành Y khoa thực tập thêm nhiều về cận lâm sàng / lâm sàng.
  - Sau khi kết thúc môn học, GV cần cho SV đề cương ôn tập đúng trọng tâm.
  - Cần đầu tư thêm tài liệu học tập, trang thiết bị, sửa chữa các phòng học, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt, hóa chất, dụng cụ phục vụ học tập, thực hành, thực tập,... có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của SV ngành Y.
  - Cần bổ sung thêm giảng viên cho Bộ môn Ngoại.
  - Các học phần tốt nghiệp nên củng cố chương trình những kỹ năng quan trọng lúc mới ra trường cho SV như kỹ năng đọc ECG, XQUANG, CT, cấp cứu, tổ chức ngày hội việc làm cho SV sắp tốt nghiệp.
  - Trường / Khoa cần tổ chức các buổi sinh hoạt định hướng cho SV như thi Chứng chỉ hành nghề, thi sau đại học, kết nối doanh nghiệp, bệnh viện, gửi SV Ngoại bệnh lý đi tỉnh để tiếp cận phòng mổ,...
  - Cần sửa chữa chỗ nghỉ ngơi bảo đảm sức khỏe cho SV đi thực tập lâm sàng tại Bệnh viện.
- GV cần quan tâm hơn đến việc thực hành, thực tập của SV.
- Một số GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm thi cho SV chính xác, khách quan, công bằng hơn.

## 7.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Sinh viên (SV) được giảng viên (GV) giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần.	4.4	0.0	13.2	36.0	46.5	4.2
2.	Tài liệu phục vụ học tập: Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo,...liên quan đến học phần được giới thiệu đầy đủ.	4.4	0.0	9.6	40.4	45.6	4.2
3.	SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về cách thức đánh giá: Kiểm tra, thi,...của học phần.	5.3	0.9	6.1	40.4	47.4	4.2
4.	Trang thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu học tập cho học phần.	4.4	0.9	9.6	43.9	41.2	4.2
5.	Thời lượng, số tiết dành cho học phần là phù hợp. Thời lượng giữa lý thuyết, bài tập và thực hành là hợp lí.	4.4	0.9	7.0	43.0	44.7	4.2
6.	GV giảng dạy theo đúng nội dung trong đề cương học phần đã công bố.	4.4	0.9	7.9	41.2	45.6	4.2
7.	GV có phương pháp giảng dạy giúp SV học tập tích cực.	4.4	0.0	8.8	41.2	45.6	4.2
8.	Nguồn tài liệu mà GV cung cấp giúp làm rõ nội dung học phần và đáp ứng được nhu cầu học tập của SV.	3.5	0.9	8.8	38.6	48.2	4.3
9.	GV luôn vui vẻ giải đáp những thắc mắc của SV trong và sau giờ học.	4.4	0.0	7.9	39.5	48.2	4.3
10.	GV có hướng dẫn và thực hiện kiểm tra giờ tự học của SV theo quy định.	3.5	0.9	13.2	35.1	47.4	4.2
11.	GV hoàn thành số tiết đúng theo thời khóa biểu đã công bố.	4.4	0.0	8.8	39.5	47.4	4.3
12.	SV được GV thông tin phản hồi, giải thích rõ ràng nội dung và kết quả đánh giá (điểm kiểm tra, điểm thực hành, điểm thi cuối kỳ) của học phần.	3.5	0.9	9.6	40.4	45.6	4.2
13.	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về cơ sở, chuyên ngành,...cần thiết.	4.4	0.9	8.8	37.7	48.2	4.2
14.	Học phần giúp bạn phát triển kỹ năng mềm như: Làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề, tự nghiên cứu,...	3.5	2.6	8.8	38.6	46.5	4.2
15.	Học phần giúp SV cảm thấy thích khi lựa chọn ngành học.	4.4	1.8	7.0	39.5	47.4	4.2
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>4.2</b>	<b>0.8</b>	<b>9.0</b>	<b>39.6</b>	<b>46.4</b>	<b>4.2</b>

\* **Ý kiến khác:** Có 17.5% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV khá hài lòng với việc học các môn học của ngành.
- Đa số GV nhiệt tình, giảng dạy các môn học có trách nhiệm, quan tâm đến SV.
- SV hài lòng về môn học Kỹ năng mềm, giúp SV tự tin hơn khi giao tiếp.

- Cần tăng thời gian thực tập, thực tế cho SV.
- Các môn học sau khi thi xong cần nhập điểm nhanh để SV biết kết quả sớm.

### 7.3. Khoa Kinh tế

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Sinh viên (SV) được giảng viên (GV) giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần.	6.0	5.3	17.0	37.4	34.3	3.9
2.	Tài liệu phục vụ học tập: Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo,...liên quan đến học phần được giới thiệu đầy đủ.	6.2	4.6	17.7	36.7	34.8	3.9
3.	SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về cách thức đánh giá: Kiểm tra, thi,...của học phần.	6.7	4.8	17.5	34.8	36.2	3.9
4.	Trang thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu học tập cho học phần.	6.2	4.8	18.5	37.4	33.1	3.9
5.	Thời lượng, số tiết dành cho học phần là phù hợp. Thời lượng giữa lý thuyết, bài tập và thực hành là hợp lí.	6.5	4.6	18.0	37.4	33.6	3.9
6.	GV giảng dạy theo đúng nội dung trong đề cương học phần đã công bố.	6.7	4.6	18.2	34.5	36.0	3.9
7.	GV có phương pháp giảng dạy giúp SV học tập tích cực.	7.4	6.0	16.5	34.5	35.5	3.8
8.	Nguồn tài liệu mà GV cung cấp giúp làm rõ nội dung học phần và đáp ứng được nhu cầu học tập của SV.	6.5	5.5	16.3	35.5	36.2	3.9
9.	GV luôn vui vẻ giải đáp những thắc mắc của SV trong và sau giờ học.	7.9	4.3	16.3	33.3	38.1	3.9
10.	GV có hướng dẫn và thực hiện kiểm tra giờ tự học của SV theo quy định.	7.2	4.3	17.7	34.5	36.2	3.9
11.	GV hoàn thành số tiết đúng theo thời khóa biểu đã công bố.	6.2	3.4	16.1	37.4	36.9	4.0
12.	SV được GV thông tin phản hồi, giải thích rõ ràng nội dung và kết quả đánh giá (điểm kiểm tra, điểm thực hành, điểm thi cuối kỳ) của học phần.	7.4	3.8	16.8	35.0	36.9	3.9
13.	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về cơ sở, chuyên ngành,...cần thiết.	6.2	4.8	17.3	36.2	35.5	3.9
14.	Học phần giúp bạn phát triển kỹ năng mềm như: Làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề, tự nghiên cứu,...	6.5	4.6	18.9	36.9	33.1	3.9
15.	Học phần giúp SV cảm thấy thích khi lựa chọn ngành học.	7.4	4.8	17.7	34.3	35.7	3.9
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>6.7</b>	<b>4.7</b>	<b>17.4</b>	<b>35.7</b>	<b>35.5</b>	<b>3.9</b>

\* **Ý kiến khác:** Có 19.7% số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV khá hài lòng với việc học các môn học của ngành.

- Đa số GV nhiệt tình, giảng dạy các môn học có trách nhiệm, quan tâm đến SV.
- Một số GV cần chăm điểm kiểm tra, điểm thi cho SV chính xác, khách quan, công bằng hơn.
- Cần sửa chữa, nâng cấp các máy tính phòng thực hành.
- Một số môn học khó, có bài tập, GV cần giảng dạy nhiệt tình, kỹ hơn, GV nên lấy ví dụ thực tế để ứng dụng vào bài học trong tiết học và hướng dẫn SV làm cụ thể tạo thêm hứng thú cho SV học tập. Các bài tập kiểm tra GV cần có đáp án để SV đối chiếu kết quả.

#### 7.4. Khoa Sư phạm

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Sinh viên (SV) được giảng viên (GV) giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần.	5.0	1.9	10.1	47.8	35.2	4.1
2.	Tài liệu phục vụ học tập: Giáo trình, bài giảng, sách tham khảo,...liên quan đến học phần được giới thiệu đầy đủ.	4.4	1.3	10.1	46.9	37.4	4.1
3.	SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về cách thức đánh giá: Kiểm tra, thi,...của học phần.	5.3	0.6	10.4	47.2	36.5	4.1
4.	Trang thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu học tập cho học phần.	4.7	1.3	11.0	49.1	34.0	4.1
5.	Thời lượng, số tiết dành cho học phần là phù hợp. Thời lượng giữa lý thuyết, bài tập và thực hành là hợp lí.	4.7	1.9	9.7	45.6	38.1	4.1
6.	GV giảng dạy theo đúng nội dung trong đề cương học phần đã công bố.	5.3	0.9	9.7	48.1	35.8	4.1
7.	GV có phương pháp giảng dạy giúp SV học tập tích cực.	5.0	2.8	9.1	45.9	37.1	4.1
8.	Nguồn tài liệu mà GV cung cấp giúp làm rõ nội dung học phần và đáp ứng được nhu cầu học tập của SV.	5.0	1.3	10.4	47.2	36.2	4.1
9.	GV luôn vui vẻ giải đáp những thắc mắc của SV trong và sau giờ học.	5.7	1.3	9.7	46.2	37.1	4.1
10.	GV có hướng dẫn và thực hiện kiểm tra giờ tự học của SV theo quy định.	5.3	1.3	10.4	45.9	37.1	4.1
11.	GV hoàn thành số tiết đúng theo thời khóa biểu đã công bố.	5.3	0.9	8.8	47.2	37.7	4.1
12.	SV được GV thông tin phản hồi, giải thích rõ ràng nội dung và kết quả đánh giá (điểm kiểm tra, điểm thực hành, điểm thi cuối kỳ) của học phần.	5.0	1.3	10.1	46.5	37.1	4.1
13.	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về cơ sở, chuyên ngành,...cần thiết.	4.7	0.9	11.0	47.5	35.8	4.1
14.	Học phần giúp bạn phát triển kỹ năng mềm như: Làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề, tự nghiên cứu,...	4.7	1.9	11.6	45.0	36.8	4.1